PROFESSIONAL STANDARDS

Sổ tay SOP vận hành

Mười quy trình chuẩn từ văn phòng, kính, ghế, đá, ron epoxy đến sự cố và bàn giao

Mỗi SOP một trang: mục tiêu, phạm vi, dụng cụ, hóa chất, các bước, điểm giữ, tiêu chí đạt và hành động khi không đạt — đủ để huấn luyện tại chỗ và đánh giá tay nghề.

> *"Ca khó không ngại. Đã nhận là làm đến cùng."*
>
> SONGANHHYG · LÀM NGHỀ BẰNG KHÍ CHẤT VÀ TỰ TRỌNG

CHẨN ĐOÁN · PHƯƠNG PHÁP · THÔNG SỐ · KIỂM SOÁT RỦI RO · NGHIỆM THU

SAH-SOP-07 · V1.1 · 11/2026

SERVICE COMPETENCY
Chứng minh tay nghề bằng quy trình và số đo

VERIFIED DELIVERY
Ca thực chiến, dữ liệu và nghiệm thu

RISK PROTECTION
Cam kết bảo vệ khách hàng bằng cơ chế

0905 751 566 · danangadv@gmail.com · dichvuvesinhdanang.com

MỤC LỤC

Cấu trúc tài liệu, thứ tự đọc và số trang trên bản PDF

01 Một trang, bảy thành phần, một điểm dừng 3

02 Mã, phiên bản, người duyệt và năng lực thực hiện 3

03 Vệ sinh văn phòng hằng ngày 5

04 Nhà vệ sinh 5

05 Chăm sóc sàn vinyl, gạch, gỗ, đá 6

06 Kính thấp tầng và nội thất 7

07 Kính cao tầng, dây đôi 7

08 Ghế, sofa, vải nội thất 8

09 Phục hồi đá 9

10 Ron epoxy 10

11 Vệ sinh sau xây dựng 10

12 Sự cố tràn hóa chất và bàn giao ca 11

13 Ai làm, ai kiểm, hồ sơ nào 12

14 Giới hạn áp dụng và hiệu lực 12

CÁCH ĐỌC TÀI LIỆU

Thang bằng chứng E0–E4: E0 chính sách; E1 quy trình; E2 năng lực; E3 đo lường; E4 xác nhận độc lập. Mỗi bảng có đơn vị và ngưỡng; mỗi kết luận phải truy được về một phép đo hoặc một biên bản. Bản PDF có bookmark theo mục và số trang in ở chân trang.

KIỂM SOÁT TÀI LIỆU

MÃ TÀI LIỆU	PHIÊN BẢN	HIỆU LỰC	TRẠNG THÁI
SAH-SOP-07	V1.1	Sau khi ký	Bản trình duyệt 1.1
BIÊN SOẠN	**SOÁT XÉT**	**PHÊ DUYỆT**	**RÀ SOÁT TIẾP**
Phòng KT & CL	Trưởng phòng KT	_____	11/2027

01 · CÁCH DÙNG SỔ TAY

Một trang, bảy thành phần, một điểm dừng

Mỗi SOP vừa đủ một trang A4. Nó không giải thích lý thuyết; nó nói ai làm gì, trong bao lâu, đạt đến đâu thì dừng.

Sổ tay dùng cho huấn luyện tại chỗ, đánh giá tay nghề và xử lý khiếu nại. Khi sổ tay khác hợp đồng, áp dụng điều kiện chặt hơn.

BẢNG 1.1. BẢY THÀNH PHẦN BẮT BUỘC CỦA MỘT SOP

#	Thành phần	Nội dung phải có	Kiểm tra nhanh
1	Mục tiêu	Kết quả đo được, không phải mong muốn	Có số và đơn vị
2	Phạm vi	Vùng, vật liệu, giới hạn áp dụng	Nêu rõ phần không làm
3	Dụng cụ và hóa chất	Thiết bị, nồng độ, thời gian tiếp xúc	Đúng ma trận tương thích
4	Các bước	6–10 bước, mỗi bước một hành động	Động từ ở đầu câu
5	Điểm giữ	Ai kiểm tra, kiểm gì, trước bước nào	Có mã G1, G2
6	Tiêu chí đạt và hành động khi không đạt	Ngưỡng số; việc phải làm khi lệch	Không dùng “kiểm tra lại”
7	Hồ sơ	Biểu mẫu, ảnh, chữ ký, nơi lưu	Truy xuất được trong 24 giờ

0.1. Bốn quy tắc viết

- □ Mở đầu mỗi bước bằng động từ: hút, pha, gạt, đo, ký.
- □ Mỗi bước một hành động; không gộp hai việc vào một dòng.
- □ Ghi định lượng: phút, mL/L, nhiệt độ, áp lực.
- □ Ghi điểm dừng: khi nào người thực hiện phải dừng và báo cho ai.

> **MỨC BẰNG CHỨNG CỦA SỔ TAY**
> Mỗi SOP là tài liệu mức [E1]; bài đánh giá tay nghề là [E2]; số đo tại hiện trường là [E3].

02 · QUẢN TRỊ SOP

Mã, phiên bản, người duyệt và năng lực thực hiện

Một SOP chỉ có hiệu lực khi có mã, có người duyệt và có người được đánh giá tay nghề.

BẢNG 2.1. DANH MỤC SOP, PHIÊN BẢN VÀ THẨM QUYỀN DUYỆT

Mã	Tên quy trình	Phiên bản	Người duyệt	Rà soát
SAH-SOP-01	Vệ sinh văn phòng hằng ngày	1.0	Trưởng phòng Kỹ thuật	12 tháng
SAH-SOP-02	Nhà vệ sinh	1.0	Trưởng phòng Kỹ thuật	12 tháng
SAH-SOP-03	Chăm sóc sàn vinyl, gạch, gỗ, đá	1.0	Trưởng phòng Kỹ thuật	12 tháng
SAH-SOP-04	Kính thấp tầng và nội thất	1.0	Trưởng phòng Kỹ thuật	12 tháng
SAH-SOP-05	Kính cao tầng, dây đôi	1.0	Giám đốc Kỹ thuật	12 tháng
SAH-SOP-06	Ghế, sofa, vải nội thất	1.0	Trưởng phòng Kỹ thuật	12 tháng
SAH-SOP-07	Phục hồi đá	1.0	Giám đốc Kỹ thuật	12 tháng
SAH-SOP-08	Ron epoxy	1.0	Giám đốc Kỹ thuật	12 tháng
SAH-SOP-09	Vệ sinh sau xây dựng	1.0	Trưởng phòng Kỹ thuật	12 tháng
SAH-SOP-10	Sự cố tràn hóa chất và bàn giao ca	1.0	Trưởng phòng HSE	6 tháng

BẢNG 2.2. PHÂN QUYỀN KÝ TRONG VÒNG ĐỜI SOP

Công đoạn	Người thực hiện	Điều kiện ký	Ghi vào hồ sơ
Soạn thảo	Giám sát vận hành	Đúng bảy thành phần, có thử tại hiện trường	Bản nháp mã D + ngày
Kiểm tra kỹ thuật	Chuyên viên Kỹ thuật	Thông số khớp SDS và ma trận bề mặt	Phiếu kiểm tra
Kiểm tra HSE	Cán bộ HSE	PPE, PTW, điều kiện dừng đã ghi	Danh mục rủi ro
Phê duyệt	Trưởng phòng Kỹ thuật	Đủ hai lần kiểm tra, không còn ý kiến mở	Chữ ký trang đầu
Phát hành	Quản lý tài liệu	Có số kiểm soát, danh sách người nhận	Sổ phát hành
Thu hồi bản cũ	Giám sát vận hành	Trong 7 ngày kể từ ngày hiệu lực	Biên bản thu hồi

1.1. Đào tạo, đọc hiểu và đánh giá tay nghề

Mỗi nhân viên ký "đã đọc hiểu" trước khi vào ca độc lập. Đọc hiểu không thay cho thực hành: mỗi SOP có bài đánh giá tay nghề 10 điểm tại hiện trường.

BẢNG 2.3. MẪU NHẬT KÝ ĐÀO TẠO SOP

Ngày	Mã SOP	Người dạy	Số người	Kết quả	Ký xác nhận
.../.../2026	SAH-SOP-02	Giám sát ca	06	5 đạt, 1 kèm cặp	Giám sát + HSE
.../.../2026	SAH-SOP-05	Chuyên viên kính	03	3 đạt	Giám sát + HSE

Checklist đánh giá tay nghề 10 điểm, chấm theo quan sát, mỗi mục 0 hoặc 1:

- □ Chuẩn bị đúng dụng cụ và PPE theo SOP.
- □ Pha hóa chất đúng nồng độ, có nhãn và giờ pha.
- □ Test vùng khuất trước khi làm diện rộng.
- □ Đúng thứ tự bước, không bỏ bước.
- □ Dừng đúng điểm giữ và gọi người kiểm.
- □ Ghi số đo vào biểu mẫu ngay tại chỗ.
- □ Xử lý đúng khi chỉ số lệch ngưỡng.

- ☐ Giữ khu vực an toàn, có biển cảnh báo.
- ☐ Vệ sinh dụng cụ và bàn giao đúng quy cách.
- ☐ Giải thích được vì sao làm bước đó.

Từ 8/10 làm độc lập; 6–7 điểm làm dưới giám sát; dưới 6 điểm đào tạo lại.

03 · SOP-01 · VĂN PHÒNG

Vệ sinh văn phòng hằng ngày

Mục tiêu: bàn giao văn phòng sạch, khô, không mùi trước giờ làm việc, ATP điểm chạm ≤ 100 RLU.

Phạm vi. Lobby, workspace, phòng họp, pantry, nhà vệ sinh, thang máy, cầu thang. Không gồm phòng server và phòng y tế.

Dụng cụ. Xe đẩy hai xô, microfiber bốn màu, máy hút HEPA H13, cây lau, biển "sàn ướt", ATP meter.

Hóa chất. Tẩy rửa trung tính 15–30 mL/L; tẩy kính 1:20–1:50; khử trùng quat 0,1–0,3%, tiếp xúc 5–10 phút.

BẢNG 3.1. CÁC BƯỚC SOP-01 VÀ ĐIỂM GIỮ

Bước	Hành động	Định lượng / thời gian	Điểm giữ
1	Đi một vòng, ghi hiện trạng, dựng biển cảnh báo	5 phút	—
2	Thu rác, thay túi, phân ba dòng tại nguồn	Trước giờ làm 15 phút	G1
3	Lau bụi khô từ trên xuống: trần, khe gió, đèn	Một lượt, không ướt	—
4	Khử trùng điểm chạm: tay nắm, công tắc, nút thang	Tiếp xúc 5–10 phút	—
5	Hút bụi và lau sàn, vắt khăn kỹ	Không đọng nước	—
6	Vệ sinh nhà vệ sinh bằng bộ đỏ riêng	Theo SOP-02	G2
7	Đo ATP 10 điểm, ghi nhật ký, ký bàn giao	≤ 100 RLU	—

Điểm giữ. G1: đã thu rác trước khi lau bụi. G2: kiểm tra chéo nhà vệ sinh.

Tiêu chí đạt. ATP ≤ 100 RLU; không bụi ở mép kính và chao đèn; sàn khô trong 15 phút; không còn vật dụng lệch vị trí.

Khi không đạt. ATP 101–300 RLU: lau lại và đo lại. Trên 300 RLU: dừng, đào tạo lại, mở CAPA Minor. Sàn ướt: hút khô trước khi khách vào.

Hồ sơ. Checklist ca, nhật ký ATP, biên bản bàn giao.

04 · SOP-02 · NHÀ VỆ SINH

Nhà vệ sinh

Mục tiêu: khử khuẩn toàn bộ điểm chạm, không mùi, khô hoàn toàn, đủ vật tư; kiểm tra lại 2 giờ/lần.

Phạm vi. Nhà vệ sinh nam, nữ và phòng cho người khuyết tật. Không xử lý bồn cầu tắc.

Dụng cụ. Bộ dụng cụ đỏ để riêng, cọ bồn, bàn chải khe, bình xịt, gương kiểm tra, máy sấy.

Hóa chất. Tẩy cặn acid 1:10–1:50 chỉ trên gạch men; hypochlorite 0,1–0,5% cho cống; khử trùng quat 0,1–0,3%.

BẢNG 4.1. CÁC BƯỚC SOP-02 VÀ ĐIỂM GIỮ

Bước	Hành động	Định lượng / thời gian	Điểm giữ
1	Treo biển "đang vệ sinh", kiểm tra tồn vật tư	Trước khi vào	—
2	Xả bồn, đổ chất tẩy, để ngấm	5–10 phút	G1
3	Cọ bồn, vành, nắp; chà khe gạch	Không bỏ vành sau	—
4	Khử trùng tay nắm, vòi, gương, công tắc	Tiếp xúc 5–10 phút	—
5	Lau khô toàn bộ bề mặt, không đọng nước	Khô 100%	G2
6	Nạp giấy, xà phòng, túi rác; kiểm tra mùi	Đủ 100%	—
7	Ghi giờ vào bảng kiểm và ký	Mỗi 2 giờ	—

Điểm giữ. G1: đúng nồng độ và đủ thời gian tiếp xúc. G2: khô trước khi mở cửa.

Tiêu chí đạt. ATP ≤ 100 RLU tại tay nắm và vòi; không mùi; không ố vành bồn; vật tư đủ; sàn khô.

Khi không đạt. Còn mùi: kiểm tra trap và thông gió, không dùng xịt thơm. Ố vành: acid có kiểm soát sau test. Tắc: chuyển kỹ thuật.

Hồ sơ. Bảng kiểm 2 giờ, phiếu vật tư, ảnh sự cố.

05 · SOP-03 · SÀN

Chăm sóc sàn vinyl, gạch, gỗ, đá

Mục tiêu: sạch, khô, an toàn trượt và giữ nguyên lớp phủ; độ bóng vinyl duy trì ≥ 40 GU.

Phạm vi. Bốn nhóm sàn: vinyl, gạch men, gỗ hoặc laminate, đá đã thấm. Không gồm mài, đánh bóng đá (SOP-07).

Dụng cụ. Scrubber-dryer, máy hút ướt, microfiber, cây gạt, gloss meter, DCOF tester, moisture meter.

Hóa chất. Trung tính 15–30 mL/L cho vinyl, gạch, đá đã seal. Cấm kiềm và acid trên gỗ; cấm dung môi mạnh trên vinyl.

BẢNG 5.1. CÁC BƯỚC SOP-03 VÀ ĐIỂM GIỮ

Bước	Hành động	Định lượng / thời gian	Điểm giữ
1	Xác định vật liệu và test vùng khuất	0,25 m^2, chờ 10 phút	G1
2	Hút bụi khô hoặc lau khô toàn bộ	Một lượt	—
3	Lau ẩm gỗ, laminate; vắt khăn thật kỹ	Không đọng nước	—
4	Chà vinyl, gạch bằng máy, hút khô ngay	1–2 lượt	—
5	Lau đá đã seal bằng trung tính, lau khô	Không để màng nước	G2
6	Thu biển, kiểm tra khô và an toàn trượt	Khô trong 15 phút	—
7	Đo gloss 5 điểm/100 m^2 và ghi nhật ký	≥ 40 GU với vinyl	—

Điểm giữ. G1: xác nhận vật liệu trước khi dùng hóa chất. G2: không còn màng nước trên lối đi.

Tiêu chí đạt. Gloss vinyl ≥ 40 GU; DCOF ≥ 0,42 khi ướt; không vệt, không ố; bề mặt khô hoàn toàn.

Khi không đạt. Có vệt: thay nước xô rồi làm lại. Mờ đục: kiểm tra lớp phủ, không tăng kiềm. Gỗ ngấm: dừng, hút ẩm, báo khách.

Hồ sơ. Nhật ký sàn, ảnh, số đo gloss và DCOF.

06 · SOP-04 · KÍNH THẤP TẦNG

Kính thấp tầng và nội thất

Mục tiêu: kính trong, không vệt, không xước mới; haze ≤ 1% trên kính kiến trúc.

Phạm vi. Kính cao dưới 2 m, vách kính, gương, cửa kính. Không gồm mặt dựng cao tầng (SOP-05).

Dụng cụ. Squeegee, scraper nhựa, khăn sợi, bình xịt, cây gạt, haze meter, bạt che sàn.

Hóa chất. Tẩy kính 1:20–1:50; cồn 70% cho kim loại và thiết bị. Cấm amoniac trên kính phủ Low-E.

BẢNG 6.1. CÁC BƯỚC SOP-04 VÀ ĐIỂM GIỮ

Bước	Hành động	Định lượng / thời gian	Điểm giữ
1	Che sàn, che ổ điện và nội thất bên dưới	Trước khi xịt	—
2	Gạt bụi khô; bóc keo, sơn bằng scraper nhựa	Cấm dao lam	G1
3	Xịt dung dịch, để ngấm	1–3 phút	—
4	Gạt từ trên xuống, gạt khô cạnh dưới	Một lượt liền mạch	—
5	Lau khung, rãnh, tay nắm	Khô 100%	G2
6	Kiểm tra chéo dưới ánh sáng chếch	Không vệt	—
7	Thu che, lau sàn, ghi nhật ký	Trước khi rời	—

Điểm giữ. G1: không có dao lam trên kính phủ. G2: khung và rãnh khô trước khi kết thúc.

Tiêu chí đạt. Không vệt nước; không xước mới; haze ≤ 1%; khung và rãnh khô.

Khi không đạt. Còn vệt: thay khăn, gạt lại. Phát hiện xước: dừng, chụp ảnh, ghi biên bản hiện trạng. Cặn khoáng: cerium oxide sau test.

Hồ sơ. Biên bản hiện trạng, nhật ký ca, ảnh có mã ca.

07 · SOP-05 · KÍNH CAO TẦNG

Kính cao tầng, dây đôi

Mục tiêu: làm sạch mặt dựng trong giới hạn an toàn đã kiểm soát, không rơi vật, không xước, không để nước chảy vào kết cấu.

Phạm vi. Kính cao trên 2 m, thi công bằng dây đôi. Bắt buộc có PTW làm việc trên cao; dừng khi gió trên 10 m/s (hoặc thấp hơn theo nhà sản xuất/anchor), mưa, dông. Không làm cao một mình: tối thiểu hai người, một người canh ngoài và giữ liên lạc; dừng khi heat index ≥ 37°C hoặc không bố trí được luân ca/nước uống.

Dụng cụ. Harness EN 361, dây neo EN 795, lanyard EN 355, ghế treo, water-fed pole, TDS meter, bộ thu nước.

Hóa chất. Nước tinh khiết TDS ≤ 10 ppm; tẩy kính 1:50 cho cặn mềm. Cấm acid và HF trên kính phủ.

BẢNG 7.1. CÁC BƯỚC SOP-05 VÀ ĐIỂM GIỮ

Bước	Hành động	Định lượng / thời gian	Điểm giữ
1	Kiểm tra PTW, thời tiết, khu vực bên dưới	Ghi giờ và người kiểm	—
2	Kiểm tra dây, khóa, điểm neo, ghi phiếu	Trước mỗi ca	G1
3	Rào khu vực, đặt biển, cử người canh dưới	Bán kính 3 m	—
4	Neo và kiểm tra tải nhẹ, không treo người	Trước khi lên cao	G2
5	Làm ướt, cọ cặn bằng cọ mềm hoặc pole	Từ trên xuống	—
6	Tráng nước tinh khiết, gạt khô	TDS ≤ 10 ppm	—
7	Thu nước, kiểm tra không chảy vào khe	100% nước thu	—
8	Tháo neo, thu dây, ký bàn giao	Trong ca	—

Điểm giữ. G1: HSE ký phiếu kiểm tra dây và neo. G2: neo đạt trước khi lên cao.

Tiêu chí đạt. Không vệt khoáng; haze ≤ 1%; không vật rơi; không nước vào khe; PTW hợp lệ trong suốt ca.

Khi không đạt. Gió tăng: xuống ngay, đóng ca. TDS trên 10 ppm: thay nước. Thiếu dây hoặc neo: không thi công.

Hồ sơ. PTW, phiếu kiểm tra dây, nhật ký TDS, biên bản bàn giao.

KHÔNG THI CÔNG KHI

- Thiếu PTW, thiếu dây hoặc điểm neo không đạt.
- Gió trên 10 m/s (hoặc thấp hơn theo nhà sản xuất/anchor), mưa, dông, sét.
- Khu vực bên dưới chưa rào và không có người canh.

08 · SOP-06 · GHẾ, SOFA

Ghế, sofa, vải nội thất

Mục tiêu: sạch vết bẩn, không lem màu, không co vải; độ ẩm cuối ≤ 12% (tối đa 15% nếu hẹn kiểm tra lại) và khô trong 6 giờ khi RH ≤ 60%.

Phạm vi. Vải tổng hợp, cotton, len, velvet, da aniline và da pigmented. Mỗi vật liệu một phương pháp.

Dụng cụ. Máy phun-hút, air mover, moisture meter, bàn chải mềm, khăn, bộ test crock và pH.

Hóa chất. Pre-spray pH 5,5–9; len dùng pH 5,5–7,5; da aniline dùng sản phẩm chuyên da, cấm nước.

BẢNG 8.1. CÁC BƯỚC SOP-06 VÀ ĐIỂM GIỮ

Bước	Hành động	Định lượng / thời gian	Điểm giữ
1	Nhận diện vật liệu, đọc nhãn, chụp ảnh	Trước khi làm	—
2	Test crock và pH vùng khuất	Chờ 10 phút	G1
3	Hút bụi khô toàn bộ, xử lý vết cục bộ	Hai lượt	—
4	Pre-spray đều, để ngấm	5–10 phút	—
5	Phun-hút, nước 40–60°C tùy vật liệu (tổng hợp dày có thể đến 65°C nếu test đạt)	Áp 100–400 psi	—
6	Rinse pH 5,5–7, bật air mover	Đến khi khô theo RH	G2

Bước	Hành động	Định lượng / thời gian	Điểm giữ
7	Đo độ ẩm, kê lại, ghi hồ sơ	≤ 12% (tối đa 15% nếu hẹn kiểm tra lại)	—

Điểm giữ. G1: dừng nếu crock dưới 4 hoặc pH lệch. G2: kiểm tra lem màu trước khi sấy.

Tiêu chí đạt. Không lem, không co; ẩm ≤ 12% (tối đa 15% nếu hẹn kiểm tra lại); khô trong 6 giờ khi RH ≤ 60%; độ bền màu ≥ 4 theo grey scale.

Khi không đạt. Lem màu: dừng, hút khô, chụp ảnh, ghi biên bản. Ẩm cao: tăng sấy, hẹn kiểm tra lại. Da ngấm nước: chuyển phương pháp khô.

Hồ sơ. Phiếu test, ảnh trước và sau, biên bản bàn giao.

09 · SOP-07 · ĐÁ

Phục hồi đá

Mục tiêu: phục hồi độ bóng và phẳng, không cháy mặt, không làm mất màu; gloss ≥ 85 GU với marble.

Phạm vi. Marble, granite, terrazzo và đá nhân tạo. Không phục hồi đá nứt hoạt động hoặc đá đang ẩm.

Dụng cụ. Máy mài một pha hoặc ba pha, pad kim cương 50–3000, máy hút nước, gloss meter, moisture meter, profilometer.

Hóa chất. Nước sạch; bột đánh bóng theo TDS; chất thấm 8–20 m^2/L. Cấm acid trên marble, limestone, travertine.

BẢNG 9.1. CÁC BƯỚC SOP-07 VÀ ĐIỂM GIỮ

Bước	Hành động	Định lượng / thời gian	Điểm giữ
1	Acid test, đo ẩm, đo gloss ban đầu	3 điểm/100 m^2	—
2	Che chắn và mài thử vùng mẫu	1 m^2	G1
3	Mài thô 50–200, hút nước liên tục	Không để bùn khô	—
4	Mài trung 400–800	Không nhảy bước	—
5	Mài tinh 1500–3000	Đều tay, không ép	G2
6	Đánh bóng, lau khô, kiểm tra cháy mặt	Không đổi màu	—
7	Thấm chống thấm, bảo dưỡng	24–72 giờ	—
8	Đo gloss, Ra, COF và bàn giao	Theo ngưỡng	—

Điểm giữ. G1: khách hàng chấp thuận mẫu thử. G2: chuỗi hạt đúng thứ tự.

Tiêu chí đạt. Gloss ≥ 85 GU với marble; Ra ≤ 0,5 µm; COF ≥ 0,42; độ ẩm nền dưới 4% trước khi thấm.

Khi không đạt. Gloss thấp: kiểm tra bước hạt bị bỏ. Cháy mặt: giảm áp lực và tốc độ. Nứt: dừng, chuyển phương án thay tấm.

Hồ sơ. Biên bản mẫu thử, nhật ký thông số, số đo gloss và Ra.

10 · SOP-08 · RON EPOXY

Ron epoxy

Mục tiêu: mạch ron kín, bám chắc, không bọt, không nứt; chịu hóa chất sau 7 ngày bảo dưỡng.

Phạm vi. Mạch gạch men và porcelain rộng 2–10 mm. Không dùng epoxy cho mạch co giãn.

Dụng cụ. Máy cắt ron, máy hút HEPA, súng rót, bay cao su, ẩm kế, nhiệt kế, dụng cụ làm phẳng.

Hóa chất. Epoxy hai thành phần theo tỷ lệ A:B của nhãn; primer nếu TDS yêu cầu; dung dịch làm sạch viền.

BẢNG 10.1. CÁC BƯỚC SOP-08 VÀ ĐIỂM GIỮ

Bước	Hành động	Định lượng / thời gian	Điểm giữ
1	Đo ẩm nền, nhiệt độ, dew point	Ẩm ≤ 4% CM; 15–30°C	G1
2	Cắt ron, hút bụi HEPA	Sâu ≥ 2/3 mạch	—
3	Làm sạch dầu mỡ, sấy khô mạch	Khô hoàn toàn	—
4	Primer nếu cần, chờ theo nhãn	Theo TDS	—
5	Trộn A:B đúng tỷ lệ, khuấy đều	2 phút, pot life 30–45 phút	G2
6	Rót epoxy, ép chặt, không để bọt	Trong pot life	—
7	Làm sạch viền trước khi đóng rắn	15–20 phút	—
8	Bảo dưỡng và bàn giao	Đi lại sau 24 giờ	—

Điểm giữ. G1: ẩm, nhiệt, dew point đạt mới cắt ron. G2: đúng tỷ lệ trộn và còn trong pot life.

Tiêu chí đạt. Ron đầy, không bọt, không nứt, bám chắc; màu đều; hóa chất sau 7 ngày.

Khi không đạt. Bọt, rỗ: cắt lại và rót lại. Nứt: chuyển silicone hoặc PU. Ẩm cao: dừng, chờ khô.

Hồ sơ. Nhật ký ẩm và nhiệt, phiếu trộn, biên bản nghiệm thu.

11 · SOP-09 · SAU XÂY DỰNG

Vệ sinh sau xây dựng

Mục tiêu: bàn giao công trình sạch bụi, không xước mới, không còn dư lượng hóa chất; ATP ≤ 100 RLU.

Phạm vi. Công trình sau thi công, ba giai đoạn: thô, trung bình, tinh. Không xử lý bụi amiăng hoặc sơn chì chưa khảo sát.

Dụng cụ. Máy hút HEPA H13, scraper nhựa, cọ, máy chà sàn, thang, bạt che, ATP meter.

Hóa chất. Tẩy xi măng có kiểm soát; dung dịch trung hòa; trung tính 15–30 mL/L; tẩy keo.

BẢNG 11.1. CÁC BƯỚC SOP-09 VÀ ĐIỂM GIỮ

Bước	Hành động	Định lượng / thời gian	Điểm giữ
1	Khảo sát và phân loại bụi, màng bảo vệ	Theo từng tầng	G1
2	Hút khô toàn bộ, không quét chổi	Hai lượt	—
3	Bóc nhãn, xử lý keo và sơn bằng scraper nhựa	Không dùng kim loại	—
4	Tẩy xi măng có kiểm soát, trung hòa, rửa	pH sau rửa 6,5–8,5	G2
5	Vệ sinh kính, khung, cửa	Theo SOP-04	—
6	Vệ sinh thiết bị vệ sinh và khu bếp	Theo SOP-02	—
7	Lau sàn lần cuối và hút khô	Khô 100%	—
8	Kiểm tra chéo, đo ATP, bàn giao	≤ 100 RLU	—

Điểm giữ. G1: xác nhận loại bụi trước khi chọn hóa chất. G2: trung hòa xong mới làm kính.

Tiêu chí đạt. Không bụi trắng trong khe; không xước mới; ATP ≤ 100 RLU; không mùi hóa chất.

Khi không đạt. Còn bụi: hút lại, không lau ướt. Xước: ghi biên bản hiện trạng. Mùi hóa chất: rửa lại, thông gió.

Hồ sơ. Biên bản ba giai đoạn, ảnh có mã ca, số đo ATP.

12 · SOP-10 · SỰ CỐ & BÀN GIAO

Sự cố tràn hóa chất và bàn giao ca

Mục tiêu: khoanh vùng trong 1 phút, xử lý an toàn, không để hóa chất ra cống; bàn giao ca đủ thông tin để ca sau làm đúng.

Phạm vi. Tràn đến 5 L. Trên 5 L hoặc hóa chất nguy hiểm: cách ly và gọi HSE.

Dụng cụ. Bộ spill kit, kính, găng, khay, xẻng nhựa, túi chất thải nguy hại, biển cảnh báo, pH meter.

Hóa chất. Vật liệu hấp thụ; dung dịch trung hòa; nước sạch để rửa vùng.

BẢNG 12.1. CÁC BƯỚC SOP-10 VÀ ĐIỂM GIỮ

Bước	Hành động	Định lượng / thời gian	Điểm giữ
1	Dừng việc, cảnh báo, cách ly khu vực	Bán kính 3 m, trong 1 phút	G1
2	Đeo PPE, đọc SDS mục sơ cứu và xử lý tràn	Trước khi tiếp cận	—
3	Chặn lan bằng vật liệu thấm, bảo vệ hố ga	Không để ra cống	—
4	Trung hòa theo pH của dung dịch	Theo nhãn	—
5	Thu gom vào túi nguy hại, dán nhãn	Đủ 100% vật liệu	—
6	Rửa vùng ba lần, đo pH	pH 6,5–8,5	G2
7	Báo HSE, ghi phiếu sự cố	Trong 30 phút	—
8	Bàn giao ca: số đo, tồn hóa chất, việc mở	Có chữ ký hai bên	—

Điểm giữ. G1: không ai vào vùng tràn khi chưa có PPE. G2: pH đạt mới kết thúc.

Tiêu chí đạt. Không còn vết; pH 6,5–8,5; không xả ra cống; phiếu sự cố đầy đủ; bàn giao có chữ ký hai bên.

Khi không đạt. Tràn lan: gọi HSE, mở rộng cách ly. pH ngoài ngưỡng: rửa lại. Bàn giao thiếu: ca sau không nhận ca.

Hồ sơ. Phiếu sự cố, phiếu bàn giao ca, ảnh hiện trường, chứng từ chất thải.

13 · MA TRẬN THỰC HIỆN

Ai làm, ai kiểm, hồ sơ nào

Mỗi SOP phải có người thực hiện, người kiểm và hồ sơ. Bảng này là nguồn thay thế khi SOP chưa ghi vai trò trong từng bước.

BẢNG 13.1. MA TRẬN THỰC HIỆN VÀ HỒ SƠ THEO SOP

SOP	Người thực hiện	Người kiểm	Hồ sơ bắt buộc	Tần suất
01	Tổ trưởng ca	Giám sát	Checklist ca, ảnh, nhật ký ATP	Mỗi ca
02	Tổ trưởng ca	Giám sát	Checklist 12 mục, phiếu vật tư	Mỗi ca
03	Tổ trưởng ca	Giám sát	Nhật ký thiết bị, ảnh trước/sau	Mỗi ca
04	Nhân viên kính	Tổ trưởng	Test góc 30°, ảnh, nhật ký nước	Mỗi ca
05	Kỹ thuật viên cao	HSE + giám sát	PTW, biên bản anchor, ảnh	Mỗi ca
06	Kỹ thuật viên vải	Giám sát	Test vải, log ẩm, ảnh	Mỗi lô
07	Kỹ thuật viên đá	Giám sát	Gloss/Ra/COF, ảnh mẫu	Mỗi vùng
08	Kỹ thuật viên epoxy	Giám sát	Log ẩm, A:B, Shore D, ảnh	Mỗi mẻ
09	Tổ trưởng ca	Giám sát	HEPA/áp, ảnh, checklist bụi	Mỗi ca
10	Tổ trưởng ca	HSE	Phiếu sự cố, biên bản bàn giao	Mỗi sự cố

Nếu SOP chưa ghi vai trò tại từng bước, bảng này được viện dẫn; thiếu hồ sơ thì ca chưa được nghiệm thu.

14 · ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG

Giới hạn áp dụng và hiệu lực

Sổ tay không thay thế SDS, hợp đồng hoặc đánh giá rủi ro tại hiện trường.

Khi hiện trường khác giả định trong SOP, người thực hiện dừng và báo giám sát.

SOP thiếu điểm giữ hoặc tiêu chí đo được không được phát hành.

BA VIỆC PHẢI LÀM TRƯỚC KHI DÙNG SỔ TAY TẠI CÔNG TRÌNH MỚI

- Đối chiếu vật liệu bề mặt với phạm vi từng SOP.
- Xác nhận cửa sổ thi công, nước, điện, khu cách ly.
- Kiểm tra PPE, thiết bị và SDS tại chỗ.

SAH-09 · SOP-07 · Phiên bản 1.1 · 11/2026 · Phòng Kỹ thuật & Chất lượng SONGANHHYG. Hiệu lực đến lần rà soát kế tiếp.

SONGANHHYG

DỊCH VỤ TỪ TRÁI TIM

Hồ sơ này là một phần trong thư viện bằng chứng năng lực 2026 của SONGANHHYG: tiêu chuẩn nghề, năng lực dịch vụ, ca triển khai và cơ chế bảo vệ rủi ro cho khách hàng B2B.

Liên hệ để nhận bộ hồ sơ đầy đủ

Hotline: 0905 751 566
Email: danangadv@gmail.com
Website: https://dichvuvesinhdanang.com
Địa chỉ: K57/10 Giang Văn Minh, Hòa Thuận Tây, Đà Nẵng
Mã số thuế: 00401989912

NGUYÊN TẮC CÔNG BỐ

Chỉ công bố dữ liệu đã được khách hàng xác nhận bằng văn bản hoặc dữ liệu minh họa có gắn nhãn rõ ràng. Không sử dụng logo, ảnh nhận diện, tên nhân sự hoặc thông tin nội bộ khi chưa có consent. Mọi trích dẫn phải giữ nguyên ngữ cảnh, đơn vị đo và điều kiện thử nghiệm.

DỊCH VỤ TRÊN WEBSITE

- Vệ sinh văn phòng
- Giặt ghế sofa
- Vệ sinh kính / mặt dựng
- Đánh bóng sàn đá
- Thi công ron epoxy